

Số: /TTr-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO 1

TỜ TRÌNH

Ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải ô tô lưu hành ở Việt Nam

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện quy định tại mục b, Khoản 2, Điều 102 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 về “*Chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải trình Thủ tướng Chính phủ ban hành lộ trình áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ lưu hành ở Việt Nam*” và các quy định về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực giao thông vận tải; Ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 717/QĐ-TTg ngày 27/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 7, Bộ Nông nghiệp và Môi trường kính trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải ô tô lưu hành ở Việt Nam (sau đây gọi tắt là dự thảo Quyết định) với các nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Ngày 17/11/2020 Luật Bảo vệ môi trường, luật số: 72/2020/QH14 chính thức được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua, tại khoản 7, Điều 65 có quy định: “*Chính phủ ban hành lộ trình chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường*”. Khoản 2, điều 102 có quy định Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải trình Thủ tướng Chính phủ ban hành lộ trình áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ lưu hành ở Việt Nam.

Để triển khai nội dung này, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức đo thực tế khí thải và có kết quả đo kiểm khí thải đối với 1.250 phương tiện ô tô đang lưu hành đã đưa ra khuyến nghị có căn cứ khoa học để đánh giá mức độ phát thải của các phương tiện ô tô khảo sát so với Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải phương tiện ô tô đang lưu hành gồm:

Bảng 1. Kết quả đo nồng độ CO trong khí thải theo năm sản xuất phương tiện

Mức theo dự thảo QCVN	Nồng độ CO (% thể tích)	Số lượng ô tô đạt TCKT theo năm sản xuất			
		<i>Từ 1/1/2022 đến nay</i>	<i>Từ 2017 đến trước 2022</i>	<i>Từ 2008 đến trước 2017</i>	<i>Trước 2008 và các loại khác</i>
5	Từ 0 đến dưới 0,3	174 (99,4%)	483 (99,2%)	137 (90,1%)	10 (90,5%)
4	Từ 0,3 đến dưới 0,5	1 (100%)	2 (99,6%)	10 (96,7%)	0
3	Từ 0,5 đến dưới 3	0	2 (100%)	4 (99,34%)	2 (100%)
2	Từ 3 đến dưới 3,5	0	0	0	0
1	Từ 3,5 đến dưới 4,5	0	0	0	0
Không đạt	Trên 4,5	0	0	1 (0,66%)	0
Tổng số phương tiện thực hiện đo khí thải		175	487	152	12

Kết quả đo tại Bảng 1 cho thấy:

- Xe sản xuất từ năm 2022 đến nay có 100% xe đạt mức 4 và 99,4% đạt mức 5.
- Xe sản xuất từ 2017 đến trước 2022 có 100% xe đạt mức 3; 99,6% xe đạt mức 4 và 99,2% xe đạt mức 5.
- Xe sản xuất từ 2008 đến trước 2017 có 99,34% xe đạt mức 3; 96,7% xe đạt mức 4 và 90,1% xe đạt mức 5 (cá biệt có 1 xe chiếm 0,66% không đạt).
- Xe sản xuất từ 2008 và các loại khác có 100% xe đạt mức 3 và 90,5% xe đạt mức 5.

Bảng 2. Kết quả đo nồng độ HC trong khí thải theo năm sản xuất phương tiện

Mức theo dự thảo QCVN	Nồng độ HC (ppm thể tích)	Số lượng ô tô đạt TCKT theo năm sản xuất			
		<i>Từ 1/1/2022 đến nay</i>	<i>Từ 2017 đến trước 2022</i>	<i>Từ 2008 đến trước 2017</i>	<i>Trước 2008 và các loại khác</i>
5	Dưới 150	175 (100%)	484 (99,4%)	146 (96,1%)	9 (75,7%)
4	Từ 150 đến dưới 300	0	3 (100%)	4 (98,7%)	1 (83,33%)
3	Từ 300 đến dưới 600	0	0	2 (100%)	2 (100%)
2	Từ 600 đến dưới 800	0	0	0	0
1	Từ 800 đến dưới 1200	0	0	0	0
Không đạt	Trên 1200	0	0	0	0
Tổng số phương tiện thực hiện đo khí thải		175	487	152	12

Kết quả đo tại Bảng 2 cho thấy:

- Xe sản xuất từ năm 2022 đến nay có 100% xe đạt mức 5.
- Xe sản xuất từ 2017 đến trước 2022 có 100% xe đạt mức 4 và 99,4% xe đạt mức 5.
- Xe sản xuất từ 2008 đến trước 2017 có 100% xe đạt mức 3; 98,7% xe đạt mức 4 và 96,1% xe đạt mức 5.
- Xe sản xuất từ 2008 và các loại khác có 100% xe đạt mức 3; 90% xe đạt mức 4 và 85,7% xe đạt mức 5.

Bảng 3. Kết quả đo hệ số dư lượng không khí Lamđã (λ) theo năm sản xuất phương tiện

Mức theo dự thảo QCVN	Thông số Lamđã (λ)	Số lượng ô tô đạt TCKT theo năm sản xuất			
		Từ 1/1/2022 đến nay	Từ 2017 đến trước 2022	Từ 2008 đến trước 2017	Trước 2008 và các loại khác
5	0,97 – 1,03	69	311	67	5
4		(39,43%)	(63,86%)	(44,08%)	(41,7%)
3	-				
2	-				
1	-				
Không đạt	< 0,97 > 1,03	106 (60,57%)	176 (36,14%)	85 (55,92%)	7 (58,3%)
Tổng số phương tiện thực hiện đo khí thải		175	487	152	12

Ghi chú: (-) không quy định.

*** Kết quả đo tại Bảng 3 cho thấy:**

- Xe sản xuất từ năm 2022 đến nay có 39,43% xe đạt mức 4 và 5.
- Xe sản xuất từ 2017 đến trước 2022 có 63,86% xe đạt mức 4 và 5.
- Xe sản xuất từ 2008 đến trước 2017 có 44,08% xe đạt mức 4 và 5.
- Xe sản xuất từ 2008 và các loại khác có 41,7% xe đạt mức 4 và 5.

Bảng 4. Kết quả đo độ khói N (% HSU) trong khí thải theo năm sản xuất phương tiện

Mức theo dự thảo QCVN	Độ khói N (% HSU)	Số lượng ô tô đạt TCKT theo năm sản xuất			
		Từ 1/1/2022 đến nay	Từ 2017 đến trước 2022	Từ 2008 đến trước 2017	Trước 2008 và các loại khác
4	Từ 0 đến dưới 45	105 (82%)	117 (49%)	15 (30,6%)	4 (50%)
3	Từ 45 đến dưới 50	0	12 (54%)	1 (32,7%)	1 (62,5%)
2	Từ 50 đến dưới 60	2 (83,6%)	20 (62,3%)	2 (36,7%)	0

1	Từ 60 đến dưới 72	6 (88,3%)	24 (72,4%)	7 (51%)	0
Không đạt	Trên 72	15 (11,7%)	66 (27,6%)	24 (49%)	3 (37,5%)
Tổng số phương tiện thực hiện đo khí thải		128	239	49	8

Kết quả đo tại Bảng 4 cho thấy:

- Xe sản xuất từ năm 2022 đến nay có 88,3% xe đạt mức 1; 83,6% xe đạt mức 2 và 82% xe đạt mức 4 (cá biệt có 15 xe chiếm 11,7% không đạt).

- Xe sản xuất từ 2017 đến trước 2022 có 72,4% xe đạt mức 1; 62,3% xe đạt mức 2; 54% xe đạt mức 3 và 49% xe đạt mức 4 (cá biệt có 66 xe chiếm 27,6% không đạt).

- Xe sản xuất từ 2008 đến trước 2017 có 51% xe đạt mức 1; 36,7% xe đạt mức 2; 32,7% xe đạt mức 3 và 30,6% xe đạt mức 4 (cá biệt có 24 xe chiếm 49% không đạt).

- Xe sản xuất từ 2008 và các loại khác có 62,5% xe đạt mức 3 và 50% xe đạt mức 4 (cá biệt có 3 xe chiếm 37,5% không đạt).

Như vậy, dựa trên kết quả đo thực tế khí thải ô tô đang lưu hành được trình bày ở trên và Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải phương tiện ô tô đang lưu hành (sau đây gọi tắt là Dự thảo QCVN), có thể xây dựng lộ trình áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải ô tô lưu hành tại Việt Nam.

Như vậy, việc xây dựng và ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về lộ trình áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải ô tô lưu hành ở Việt Nam là cần thiết để chuyển tiếp lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải tại các Quyết định số 249/2005/QĐ-TTg ngày 10/10/2005, Quyết định 49/2011/QĐ-TTg ngày 01/9/2011 và Quyết định 16/2019/QĐ-TTg 28/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời đề xuất áp dụng lộ trình áp dụng tiêu chuẩn/quy chuẩn khí thải tiếp theo. Phù hợp với “*Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các bon và khí mê tan của ngành giao thông vận tải*” quy định tại Quyết định 876/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ trong việc triển khai và thực hiện cam kết mạnh mẽ của Việt Nam tại hội nghị thượng đỉnh Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu lần thứ 26 (COP26) đưa mức phát thải ròng về “0” năm 2050. Đồng thời phù hợp với nội dung “*Phê duyệt Chiến lược phát triển ngành công nghiệp ô tô việt nam đến năm 2025, tầm nhìn 2035*” tại Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 16/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Từng bước tiến tới hài hòa về mặt tiêu chuẩn khí thải với các nước trong khu vực và quốc tế và phù hợp với các Hiệp định hài hòa lẫn nhau với các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết thành viên như hiệp định UNECE 1958, APMRA, EVFTA, UKVFTA,...

Hiện tại Quy định về lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô đang lưu hành được tích hợp vào xe cơ giới nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, trong đó có xe ô tô đang được quy định tại các Quyết định:

- Quyết định số 249/2005/QĐ-TTg ngày 10/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

- Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg ngày 01/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô, xe mô tô hai bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới;

- Quyết định số 16/2019/QĐ-TTg ngày 28/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô tham gia giao thông và xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu.

Nội dung của Quyết định này sẽ kế thừa các nội dung còn hiệu lực, có bổ sung lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải của xe ô tô đang lưu hành sản xuất trước năm 1999, xe ô tô sản xuất từ năm 1999 đến hết năm 2016, xe ô tô sản xuất từ năm 2017 đến hết năm 2021, xe ô tô sản xuất từ năm 2022.

Các nội dung trên cũng đồng thời thực hiện Quyết định 876/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM, YÊU CẦU XÂY DỰNG QUYẾT ĐỊNH

1. Mục đích xây dựng Quyết định

Việc xây dựng dự thảo Quyết định để tiếp tục duy trì và nâng cao tiêu chí nhằm đảm bảo mục tiêu về bảo vệ môi trường đối với xe ô tô đang lưu hành trên đường bộ, thúc đẩy chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các bon và khí mê tan của ngành giao thông vận tải.

2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng Quyết định

Việc xây dựng Quyết định này sẽ kế thừa các nội dung còn hiệu lực, còn phù hợp của các Quyết định 249/2005/QĐ-TTg ngày 10/10/2005; 49/2011/QĐ-TTg ngày 01/9/2011; 16/2019/QĐ-TTg ngày 28/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chuẩn khí thải đối với phương tiện giao thông cơ giới nhập khẩu, sản xuất lắp ráp, trong đó có xe ô tô động cơ cháy cưỡng bức (động cơ sử dụng nhiên liệu xăng), cháy do nén (động cơ sử dụng nhiên liệu dầu Diesel). Bổ sung lộ trình áp dụng khí thải Mức 3 và mức 4 đồng bộ cho xe ô tô sản xuất từ năm 2022, cũng như thực hiện của Quyết định 876/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải.

3. Yêu cầu xây dựng Quyết định

a) Tuân thủ quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 và Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi 2020;

b) Tuân thủ đúng quy định được nêu tại khoản 6, Điều 41 Luật Trật tự, an toàn giao thông Đường bộ ngày 27/6/2024 “*Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng mức tiêu chuẩn khí thải đối với xe cơ giới nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp*”;

c) Đồng bộ với hệ thống văn bản pháp luật quy định về lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe cơ giới nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp đang thực hiện.

d) Đảm bảo các quy định được rõ ràng để các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện;

đ) Hải hòa về mặt tiêu chuẩn/quy chuẩn khí thải với các nước trong khu vực và quốc tế;

e) Phù hợp với các hiệp định hải hòa lẫn nhau và các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết là thành viên như hiệp định UNECE 1958, APMRA, EVFTA, UKVFTA,...

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Việc triển khai xây dựng dự thảo Quyết định này được Bộ Nông nghiệp và Môi trường tuân thủ đúng quy định của Luật số 80/2015/QH13 về Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015 và Luật số 63/2020/QH14 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020, thông qua các hệ thống văn bản, quyết định dưới đây, bao gồm:

1. Quyết định số 717/QĐ-TTg ngày 27/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết ban hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại kì họp 7.

2. Quyết định số 432/QĐ-BTNMT ngày 23/02/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) về khí thải phương tiện ô tô đang lưu hành.

Dự thảo Quyết định đã được triển khai xây dựng theo đúng quy định và gửi lấy ý kiến rộng rãi trên Website Cổng thông tin Chính phủ, của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; gửi lấy ý kiến bằng văn bản các bộ, ngành có liên quan và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Đến thời điểm hiện tại, đơn vị chủ trì soạn thảo đã nhận được ý kiến của các bộ, ngành và ý kiến của các tỉnh, thành phố; trên Cổng thông tin Chính phủ có ý kiến và Website của Bộ Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến. Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã nghiên cứu, tổng hợp, tiếp thu giải trình các ý kiến góp ý nhận được và hoàn thiện dự thảo Quyết định với các nội dung cụ thể như sau:

IV. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định lộ trình áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải ô tô lưu hành ở Việt Nam.

2. Quyết định này không áp dụng đối với ô tô thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với tổ chức và cá nhân có liên quan đến quản lý, kiểm định, sử dụng ô tô lưu hành ở Việt Nam.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Bố cục

“Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về lộ trình áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải phương tiện ô tô lưu hành ở Việt Nam” gồm 06 Điều:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.
- Điều 2. Đối tượng áp dụng.
- Điều 3. Giải thích từ ngữ.
- Điều 4. Lộ trình áp dụng các mức quy chuẩn khí thải đối với phương tiện ô tô lưu hành ở Việt Nam.
- Điều 5. Tổ chức thực hiện.
- Điều 6. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành.

2. Nội dung cơ bản của Quyết định

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định lộ trình áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải ô tô lưu hành ở Việt Nam.

2. Quyết định này không áp dụng đối với ô tô thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với tổ chức và cá nhân có liên quan đến quản lý, kiểm định, sử dụng ô tô lưu hành ở Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Mức khí thải (gồm: Mức 1, Mức 2, Mức 3, Mức 4, Mức 5) là các mức khí thải đối với ô tô quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải ô tô lưu

hành ở Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành (QCVN:2025/BNMT).

Điều 4. Lộ trình áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải ô tô lưu hành ở Việt Nam

1. Ô tô có năm sản xuất trước năm 1999 áp dụng Mức 1 từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

2. Ô tô có năm sản xuất từ năm 1999 áp dụng Mức 2 từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

3. Ô tô lắp động cơ cháy cưỡng bức và ô tô lắp động cơ cháy do nén có năm sản xuất từ năm 2017 áp dụng Mức 3 từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Đối với ô tô có đăng ký biển số của Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh lắp động cơ cháy cưỡng bức và ô tô lắp động cơ cháy do nén có năm sản xuất từ năm 2017 áp dụng Mức 4 từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

4. Ô tô lắp động cơ cháy cưỡng bức và ô tô lắp động cơ cháy do nén có năm sản xuất từ năm 2022 áp dụng Mức 4 từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và Mức 5 từ ngày 01 tháng 01 năm 2028.

Đối với ô tô có đăng ký biển số của Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh lắp động cơ cháy cưỡng bức và ô tô lắp động cơ cháy do nén có năm sản xuất từ năm 2022 áp dụng Mức 5 từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

a) Hướng dẫn tổ chức thực hiện lộ trình này;

b) Căn cứ vào tình hình thực tế tiếp tục nghiên cứu, xây dựng các quy định nâng cao mức tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải của ô tô lưu hành ở Việt Nam để trình Thủ tướng Chính phủ công bố lộ trình tiếp theo.

2. Bộ Xây dựng

Chủ trì tổ chức việc kiểm tra, chứng nhận phương tiện ô tô đáp ứng mức quy chuẩn khí thải quy định tại Quyết định này; giám sát các cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thực hiện kiểm định khí thải ô tô tuân thủ Quyết định này trong kiểm tra, chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

3. Bộ Công Thương

Chủ trì xây dựng kế hoạch, lộ trình cung ứng nhiên liệu và kiểm soát chất lượng nhiên liệu phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật và lộ trình áp dụng mức khí thải quy định tại Quyết định này, hoàn thành báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 9 năm 2025.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Nghiên cứu, rà soát quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhiên liệu để sửa đổi, bổ sung phù hợp với lộ trình áp dụng các mức khí thải quy định tại Quyết định này.

b) Rà soát các quy định về việc công nhận, chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khí thải theo quy định của pháp luật về đo lường để sửa đổi, bổ sung phù hợp với lộ trình áp dụng các mức khí thải quy định tại Quyết định này.

5. Bộ Công An:

Tổ chức kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ của ô tô theo các mức khí thải tương ứng tại Quyết định này; xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

6. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ: căn cứ theo chức năng nhiệm vụ, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng trong việc triển khai thực hiện Quyết định này.

7. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

a) Phối hợp với các Bộ có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này;

b) Căn cứ điều kiện kinh tế, xã hội và yêu cầu công tác bảo vệ môi trường tại địa phương, quy định lộ trình áp dụng mức khí thải tại địa phương theo hướng nghiêm ngặt hơn mức khí thải quy định tại Quyết định này, đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Điều 6. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng năm 2025

2. Bãi bỏ Điều 4 Quyết định số 16/2019/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô tham gia giao thông và xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.”

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Về nguồn lực tài chính

Khi Quyết định được ban hành, các quy định lộ trình áp dụng mức quy chuẩn khí thải ô tô đang lưu hành được áp dụng thực tiễn sẽ không phát sinh đáng kể chi phí cho quản lý nhà nước, tổ chức các nhân có liên quan. Các chi phí chủ yếu bao gồm:

- a) Kinh phí xây dựng các văn bản, tài liệu hướng dẫn kỹ thuật;
- b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn cho các tổ chức, cá nhân.

2. Điều kiện đảm bảo cho việc thực hiện Quyết định

Điều kiện đảm bảo cho việc thực hiện Quyết định bao gồm:

a) Điều kiện về nguồn lực tài chính:

- Được bố trí nguồn kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện các hoạt động xây dựng tài liệu hướng dẫn kỹ thuật, tổ chức các chương trình truyền thông, phổ biến kiến thức, đào tạo, tập huấn cho các tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Tạo điều kiện cho việc tiếp cận các nguồn lực từ cơ quan, đơn vị, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Quyết định.

b) Điều kiện về tổ chức bộ máy, cơ chế phối hợp: Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan tổ chức hướng dẫn các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân có liên quan để triển khai thực hiện Quyết định.

c) Điều kiện về kiểm tra, thanh tra, giám sát: định kỳ và đột xuất (khi cần) thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện Quyết định.

d) Về nguồn nhân lực

Để hạn chế tối thiểu việc phát sinh các thủ tục hành chính cho doanh nghiệp, dự thảo Quyết định đã chuyển tiếp lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải hiện hành, có bổ sung thêm lộ trình khí thải cho xe ô tô lưu hành ở Việt Nam. Việc bổ sung lộ trình cũng gần như tận dụng hệ thống sẵn có về quản lý và thử nghiệm, khi triển khai sẽ không phát sinh bộ máy mới và cũng gần như không phát sinh thủ tục hành chính mới.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về lộ trình áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải ô tô lưu hành ở Việt Nam, kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Tờ trình dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; (2) Dự thảo Quyết định; (3) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp (sẽ được bổ sung sau khi Bộ Tư pháp thẩm định); (4) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (sẽ được bổ sung sau khi Bộ Tư pháp thẩm định); (5) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Quyết định; (6) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân (sẽ được bổ sung sau khi hoàn thành lấy ý kiến)).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Thủ tướng CP Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ PC; Cục MT;
- Lưu: VT, MT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành